TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 10 - 2019.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhàn.

2. Ông Nguyễn Văn Minh.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thanh Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2019/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2019 về "*Tranh chấp ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị N - sinh năm: 1981 (*có mặt*).

Địa chỉ: 253, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Thi Anh X - sinh năm: 1979 (*có đơn xin vắng mặt*).

Địa chỉ (*ĐKHKTT*): Số 253, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ (*nơi ở hiện nay*): Nhà Trọ N, 566/4, đường N, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là chị Trần Thị N trình bày*:**

- Về hôn nhân: Chị N và anh X quen biết và tìm hiểu nhau được 07 tháng thì tiến tới hôn nhân và tổ chức đám cưới vào năm 2006; đăng ký kết hôn vào ngày 29/6/2007 tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn, cả vợ chồng sống chung với cha mẹ ruột của chị N ở Lấp Vò. Khoảng 01 năm sau do điều kiện công việc nên chị N và anh X ra Sa Đéc thuê nhà trọ sinh sống; vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không phù hợp, nên vợ chồng thường xuyên cự cải gây gổ nhau. Ngoài ra anh X thường xuyên uống rượu bia, nhiều khi đi nhậu đến khuya mới về; khi về nhà thì kiếm chuyện, chưởi mắng, dùng lời lẽ thiếu tế nhị, xúc phạm, đánh đập chị N nhưng chị N không có báo chính quyền địa phương can thiệp. Chị N cũng có ý định ly hôn anh X nhiều lần nhưng vì gia đình, vì con còn nhỏ nên chị N đã cố gắng chịu đựng chung sống với anh X, hy vọng anh X sẽ thay đổi, nhưng anh X vẫn tính nào tật nấy.

Đầu năm 2019, chị N có nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh X, nhưng do anh X năn nỉ hòa giải đoàn tụ, hứa sẽ thay đổi và cũng vì các con nên chị N đã rút đơn khởi kiện để cho vợ chồng có thêm cơ hội hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, sau khi rút đơn kiện chị N và anh X cũng không về sống chung với nhau; anh X vẫn tính nào tật nấy, không chịu sửa đổi, không tới lui, không liên lạc điện thoại thăm hỏi, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và vẫn tiếp tục đánh chị N. Cũng từ tháng 7/2018 đến nay, chị N và anh X đã không còn sống chung với nhau nữa; chị N nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, chị N không thể tiếp tục chung sống với anh X. Chị N yêu cầu ly hôn anh X.

Nay, chị N xác định tuy vẫn còn tình cảm với anh X nhưng chị N không thể tiếp tục chung sống với anh X, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh X không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N yêu cầu được ly hôn anh X.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Thi Anh B - sinh ngày: 15/10/2006 và Thi Trần Minh T - sinh ngày: 04/3/2016, hiện 02 con chung đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung; chị N yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án bị đơn là anh Thi Anh X vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến*:** Mặc dù đã được Tòa án

triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh X vẫn không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa theo quy định và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, con của chị N, anh X là cháu Thi Anh B trình bày*:** Trường hợp cha mẹ ly hôn, không còn sống chung với nhau nữa thì cháu B có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị Trần Thị N.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa*:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn là anh Thi Anh X không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt: Theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N.

- Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao cháu Thi Anh B - sinh ngày: 15/10/2006 và Thi Trần Minh T- sinh ngày: 04/3/2016, hiện 02 con chung đang sống với chị N cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung sau ly hôn. Anh X có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom 02 con chung, không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc anh X phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung tên Thi Anh B và Thi Trần Minh T mỗi cháu bằng 50% mức lương cơ sở do Nhà nước quy định cho đến khi cháu B và cháu T đủ 18 tuổi.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do chị N xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Trần Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Thi Anh X là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là anh Thi Anh X có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố dân sự xét xử vắng mặt anh X.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị N và anh X chung sống vợ chồng từ năm 2006, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 29/6/2007 tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh X được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa chị N và anh X đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cự cải gây gổ nhau. Anh X thường xuyên uống rượu bia, kiếm chuyện, chưởi mắng, dùng lời lẽ thiếu tế nhị, xúc phạm, đánh đập chị N; chị N cũng đã nhiều lần khuyên nhưng anh X không nghe và không chịu sửa đổi. Chị N cũng có ý định ly hôn anh X nhiều lần nhưng vì gia đình, vì con còn nhỏ nên chị N đã cố gắng chịu đựng chung sống với anh X, hy vọng anh X sẽ thay đổi, nhưng anh X vẫn tính nào tật nấy.

Trước đây, vào đầu năm 2019, chị N cũng đã nộp đơn khởi kiện xin được ly hôn anh X nhưng được Tòa án động viên, hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống nên chị N đã rút đơn kiện để cho vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm. Sau khi vợ chồng được đoàn tụ tiếp tục chung sống nhưng cuộc sống giữa chị N và anh X vẫn không có hạnh phúc; anh X vẫn không tới lui, không liên lạc điện thoại, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và không quan tâm đến chị N. Từ tháng 7/2018 đến nay, chị N và anh X đã không còn sống chung với nhau, vợ chồng không có sự quan tâm lẫn nhau.

Tại phiên tòa, chị N xác định tuy vẫn còn tình cảm với anh X nhưng chị N không còn quan tâm, thương yêu, lo lắng cho anh X, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh X không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N không thể tiếp tục chung sống với anh X; trường hợp Tòa án không cho chị N ly hôn anh X thì chị N cũng không về sống chung với anh X. Chị N yêu cầu được ly hôn anh X.

Về phía anh X: Quá trình tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, anh X đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng do Tòa án tống đạt trực tiếp cho anh X theo quy định của pháp luật; Anh X biết rõ việc chị N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh X nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, không đến tham dự các buổi hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay. Như vậy, anh X đã từ chối các quyền và nghĩa vụ của mình do pháp luật quy định. Bản thân anh X cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị N nên đã không đến Tòa án để tham gia hòa giải, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo*

lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được…".

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh X đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm lẫn nhau. Giữa chị N và anh X cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến nay, anh X đều cố tình không đến Tòa án tham gia hòa giải, xét xử cũng không có văn bản ý kiến, trình bày gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N; từ đó cho thấy bản thân anh X cũng không có thành ý muốn hòa giải, đoàn tụ tiếp tục chung sống với chị N. Nếu chị N và anh X đoàn tụ tiếp tục chung sống vợ chồng thì cũng không có hạnh phúc. Tại phiên tòa hôm nay, chị N xác định là không còn tình cảm, không muốn hàn gắn, tiếp tục chung sống với anh X, cuộc sống hôn nhân với anh X không có hạnh phúc, trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị N cương quyết không về chung sống với anh X; chị N yêu cầu xin được ly hôn anh X. Do đó, xét thấy việc chị N yêu cầu được ly hôn anh X là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Khi ly hôn, chị N có yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Thi Anh B - sinh ngày: 15/10/2006 và Thi Trần Minh T- sinh ngày: 04/3/2016, hiện 02 con chung đang sống với chị N. Xét thấy, hiện 02 cháu B và T đang có cuộc sống ổn định với chị N, được chị N và những người thân trong gia đình của chị N quan tâm, giúp đỡ, tạo mọi điều kiện thuận lợi trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và dành nhiều tình thương cho 02 cháu, hiện 02 cháu có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặc khác, hàng ngày anh X cũng ít khi quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho 02 cháu. Vì vậy, để đảm bảo cho 02 cháu B và T có cuộc sống ổn định và phát triển tốt về tâm sinh lý; Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao 02 cháu B và T cho chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu B và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của 02 cháu trong sinh hoạt, học tập. Anh X được quyền tới lui thăm nom 02 con chung, không ai được quyền cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...*

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị N có yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi hai con chung theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử

xét thấy việc cấp dưỡng nuôi hai con chung sau khi ly hôn là cần thiết, nhằm để đảm bảo quyền lợi cho các con, nên buộc anh Thi Anh X phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung tên Thi Anh B và Thi Trần Minh T, mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi con bằng 50% mức lương cơ sở do Nhà nước quy định; thời gian cấp dưỡng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu B và cháu T đủ 18 tuổi.

Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*".

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con*) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

<u>Tuyên Xử</u>:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị N. Cho chị Trần Thị N ly hôn anh Thi Anh X.

2. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Thi Anh B - sinh ngày: 15/10/2006 và Thi Trần Minh T- sinh ngày: 04/3/2016, hiện 02 con chung đang sống với chị N.

- Buộc anh Thi Anh X cấp dưỡng nuôi hai con chung, mức cấp dưỡng hàng tháng đối với mỗi cháu bằng 50% mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu B và cháu T đủ 18 tuổi.

- Anh Thi Anh X có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị N nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị N đã nộp ngày 19/7/2019 theo biên lai thu số 0009808 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

- Anh Thi Anh X nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về cấp dưỡng nuôi con*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Thi Anh X vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố S;
- Chi cục THADS TP. S;
- UBND xã L, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

Trần Quốc Danh